

Số: 159/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Công N**, sinh ngày 21/9/1989;

Căn cước số: 0830 8901 5838;

Cư trú: 160 khu phố L, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh ngày 12/6/1985;

Căn cước số: 0151 8500 7166;

Cư trú: 160 khu phố L, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Y đăng ký kết hôn ngày 06/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là UBND phường A, tỉnh Vĩnh Long). Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N và bà Y yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông N và bà Y là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Có hai con chung tên Trần Nguyễn Đan N1, sinh ngày 30/12/2016 và Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/10/2021. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận ông N trực tiếp nuôi cháu Đan N1, bà Y trực tiếp nuôi cháu Gia H. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận nêu trên của ông

N và bà Y là phù hợp theo quy định tại Điều 55 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Ông N và bà Y khai không có.

[4] Về các vấn đề khác: Ông N và bà Y khai không có nợ chung.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông N và bà Y tự nguyện liên đới chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị Hải Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Nguyễn Đan N1, sinh ngày 30/12/2016 và Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/10/2021.

Giao con chung tên Trần Nguyễn Đan N1 cho ông Trần Công N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Trần Nguyễn Gia H cho bà Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị Hải Y tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị Hải Y khai không có nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị Hải Y khai không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị Hải Y tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0003237 ngày 25 tháng 02 năm 2026 Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị Hải Y đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thanh Như